

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016



HÀ NỘI, THÁNG 11 - NĂM 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 62



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên
Ông Trần Đức Y	Ủy viên
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/06/2016)

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Chí Cường	Tổng giám đốc
Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Hoàng Chí Cường
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2016

Số: *614^A*-16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30/10/2016, từ trang 06 đến trang 62, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức, Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác nhân lực quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5, Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6 (Công ty con của Tổng Công ty) được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này do các đơn vị tự lập. Với những tài liệu do các đơn vị trên cung cấp, chúng tôi cũng không xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.2 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi không được cung cấp Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của các Công ty liên kết. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của các Công ty này được hợp nhất theo phương vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2016 của Tổng Công ty.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
(tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.951.080.333.717	3.134.783.260.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	487.868.595.087	795.580.038.768
1 Tiền	111		208.938.597.726	271.357.041.801
2 Các khoản tương đương tiền	112		278.929.997.361	524.222.996.967
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	125.571.135.722	13.286.439.797
1 Chứng khoán kinh doanh	121		1.129.000.000	1.129.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		124.442.135.722	12.157.439.797
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.365.155.616.222	1.328.665.992.671
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.048.842.997.507	1.052.513.862.349
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	234.541.145.678	200.013.498.177
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.238.804.810	3.238.804.810
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	224.287.456.107	224.479.866.674
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(149.633.706.391)	(153.740.371.055)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.07	3.878.918.511	2.160.331.716
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	935.382.092.396	973.830.310.071
1 Hàng tồn kho	141		938.004.743.599	977.334.720.924
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.622.651.203)	(3.504.410.853)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.102.894.290	23.420.479.330
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	11.476.403.234	5.030.877.358
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.757.871.645	13.579.656.566
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.09	10.852.619.411	4.809.945.406
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.661.038.170.329	3.639.527.862.778
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.411.235.267	5.434.125.404
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	11.411.235.267	5.434.125.404
II. Tài sản cố định	220		3.200.512.996.497	3.306.764.159.042
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	3.184.584.340.835	3.290.093.561.767
- Nguyên giá	222		4.411.083.158.171	4.434.637.710.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.226.498.817.336)	(1.144.544.148.564)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	2.799.848.436	3.058.591.448
- Nguyên giá	225		4.299.137.274	4.299.137.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.499.288.838)	(1.240.545.826)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.13	13.128.807.226	13.612.005.827
- Nguyên giá	228		17.271.775.636	17.641.779.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.142.968.410)	(4.029.773.959)
III. Bất động sản đầu tư	230		1.000.000.000	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	37.587.934.631	32.718.112.018
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		12.162.201.632	12.162.201.632
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.425.732.999	20.555.910.386
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	221.695.757.946	111.407.823.100
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		187.716.748.913	78.568.814.067
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		36.941.408.675	35.801.408.675
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.962.399.642)	(2.962.399.642)
V. Tài sản dài hạn khác	260		188.830.245.988	183.203.643.214
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	188.675.797.988	183.055.243.214
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		154.448.000	148.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.612.118.504.046	6.774.311.123.415

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

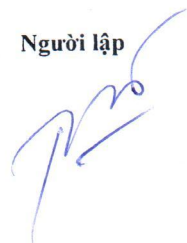
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2016	01/01/2016
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.153.426.603.483	7.122.491.211.803
I. Nợ ngắn hạn	310		2.753.842.146.357	2.895.714.482.818
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	894.829.119.921	1.074.365.889.931
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	376.164.385.223	421.205.809.262
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	92.266.737.463	110.920.900.380
4 Phải trả người lao động	314		80.894.252.129	155.568.744.975
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	455.159.774.418	420.858.339.385
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.035.344.400	1.114.279.682
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	276.728.129.366	248.573.356.087
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	504.383.064.570	400.204.876.201
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	53.277.737.874	49.550.318.748
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.103.600.993	13.351.968.167
II. Nợ dài hạn	330		4.399.584.457.126	4.226.776.728.985
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	153.600.000	495.637.500
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.21	71.603.580.867	78.542.203.751
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	4.280.309.352.036	4.086.738.346.585
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.538.972.611	358.937.279
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22	45.978.951.612	60.641.603.870
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(541.308.099.437)	(348.180.088.388)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	(541.308.099.437)	(348.180.088.388)
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	1.659.585.105
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(13.042.506.855)	(15.850.849.119)
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		285.845	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		31.722.634.014	31.085.279.025
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.313.834.456.008)	(1.139.461.631.074)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.166.262.981.421)	(756.366.639.439)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		(147.571.474.587)	(383.094.991.635)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		203.846.723.568	224.387.527.676
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.612.118.504.046	6.774.311.123.415

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiền

Tổng giám đốc




Hoàng Chí Cường

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.347.641.948.136	2.978.497.331.712
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.181.050.684	9.171.908.900
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.338.460.897.452	2.969.325.422.812
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.195.779.842.672	2.760.305.050.738
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		142.681.054.780	209.020.372.074
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	41.711.651.930	92.537.001.721
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	185.955.863.234	355.726.497.838
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		137.113.590.319	122.122.612.017
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(90.498.038)	1.314.415.756
9 Chi phí bán hàng	25		15.967.863.128	21.910.207.322
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		123.995.720.715	142.918.570.360
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(141.617.238.405)	(217.683.485.970)
12 Thu nhập khác	31		30.820.151.118	19.727.041.680
13 Chi phí khác	32		7.113.964.285	6.322.187.304
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		23.706.186.833	13.404.854.376
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(117.911.051.572)	(204.278.631.594)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		12.107.004.880	10.805.976.096
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(362.924.890)	794.127.319
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (60=50-51-52)	60		(129.655.131.562)	(215.878.735.009)
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(147.571.474.587)	(233.045.922.853)
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		17.916.343.025	17.167.187.845
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(2.683,12)	(4.237,20)

(*) Trong đó:

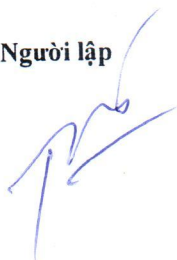
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh là: 44.136.895.049 đồng.

- Số lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là: (173.792.026.611) đồng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(117.911.051.572)	(204.278.631.594)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		111.407.503.562	111.068.886.403
- Các khoản dự phòng	03		(15.923.657.446)	47.788.396.679
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		33.829.997.571	(78.492.454.876)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.246.216.097)	(9.955.010.241)
- Chi phí lãi vay	06		137.113.245.159	122.122.612.017
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		132.269.821.177	(11.746.201.612)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.538.283.829)	(354.192.450.060)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		39.329.977.325	324.062.458.829
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(379.511.360.843)	35.229.004.894
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.066.080.650)	220.700.261.229
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55.629.070.910)	(36.164.352.574)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.638.142.884)	(14.198.410.176)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		188.865.851	4.700.685.097
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(24.672.230.482)	(84.875.796.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(360.266.505.246)	83.515.199.265
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(28.289.746.181)	(46.632.030.069)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		604.059.361	1.196.811.209
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(117.509.695.925)	(14.060.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.920.000.000	22.154.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(107.900.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	5.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.203.909.856	9.795.120.158
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(230.971.472.889)	(22.446.098.702)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.094.111.357.954	812.228.804.011
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(796.362.164.134)	(821.218.672.317)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(447.683.340)	(2.112.262.260)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.767.161.563)	(5.685.484.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		283.534.348.917	(16.787.614.983)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(307.703.629.218)	44.281.485.580
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (*)	60		795.580.038.768	598.374.661.984
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(7.814.463)	103.360
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	487.868.595.087	642.656.250.924

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiển

Hoàng Chí Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)